

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BỐ TRẠCH  
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 09 /2018/ HNGĐ-ST  
Ngày: 01 /6 /2018;  
V/v: “Tranh chấp ly hôn”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BỐ TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Hải; 2. Ông Nguyễn Văn Cao;

**-Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Hàn, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 01 tháng 6 năm 2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 258/2017/TLST- HNGĐ ,ngày 24 tháng 11 năm 2017; về việc xin ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị **Trần Thị D**; sinh năm: 1975;

Nơi đăng ký nhân khẩu thường trú: Thôn N, xã P, huyện B, tỉnh Q;

Nơi tạm trú: Thôn T, xã V, huyện B, tỉnh Q, có mặt;

**2. Bị đơn:** Anh **Nguyễn Quang D**; sinh năm: 1974;

Nơi cư trú: Thôn N, xã P, huyện B, tỉnh Q; có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh D kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh Q vào ngày 25 tháng 11 năm 1995; sau khi kết hôn vợ chồng chung sống không hạnh phúc vì anh D không lo lắng làm ăn, thường ham chơi, và thường xuyên đánh đập chị D, chị thấy không hạnh phúc, tình cảm không thể hàn gắn, hai vợ chồng đã sống ly thân nhau, nên nay chị D xin ly hôn anh D.

Về con chung: Hai vợ chồng có ba con chung là Nguyễn Thị L, sinh ngày 11/9/1996; Nguyễn Thị T, sinh ngày 16/11/1997 và Nguyễn Quang T, sinh ngày 04/4/2000, nay cả ba con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Quang D trình bày: Chị D và anh D kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh Q vào ngày 25/11/1995. Sau khi kết hôn chung sống có mâu thuẫn, nhưng chưa đến mức trầm trọng, có thể hàn gắn được. Nay chị xin ly hôn anh D không đồng ý. Về con chung: Hai anh, chị có ba con chung là; Nguyễn Thị L, sinh ngày 01/9/1996, Nguyễn Thị T, sinh năm 1997 và Nguyễn Quang T, sinh năm ngày 19/4/2000, nay các con đã trưởng thành, nếu ly hôn, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và công nợ: Nếu ly hôn, tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]Về thẩm quyền: Tranh chấp phát sinh giữa chị Trần Thị D và anh Nguyễn Quang D là tranh chấp ly hôn, đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự và tranh chấp trên thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Bồ Trách, tỉnh tỉnh Quảng Bình thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2]Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh D kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, tỉnh Q vào ngày 25 tháng 11 năm 1995; đây là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh, chị sống không hạnh phúc vì anh D không lo lắng làm ăn, thường ham chơi và thường xuyên đánh đập chị D, tình cảm không thể hàn gắn được, hai anh, chị đã sống ly thân nhau từ lâu. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, xử cho chị Trần Thị D được ly hôn anh Nguyễn Quang D là có căn cứ.

[3].Về con chung: Hai anh, chị có ba con chung là Nguyễn Thị L sinh ngày 11/9/1996, Nguyễn Thị T sinh ngày 16/11/1997 và Nguyễn Quang T sinh ngày 04/4/200, nay các con đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

[4] Về tài sản chung và công nợ: Chị D và anh D tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

[5]. Về án phí: Chị D chịu nộp án phí ly hôn sơ thẩm số tiền 300.000đ để sung công quỹ Nhà nước theo quy định của Pháp luật. Chị D và anh D tự giải quyết phân tài sản chung và công nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết; chị Nguyễn Thị D xin nhận lại tiền tạm ứng án phí chia tài sản chị D đã nộp số tiền 20.640.000đ; yêu cầu của chị D là

có cơ sở, cần chấp nhận, nên chị D được nhận lại số tiền tạm ứng án phí chia tài sản đã nộp số tiền 20.640.000đ là đúng quy định của pháp luật.

[6].Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn luật định.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Tuyên xử, cho chị Trần Thị D được ly hôn anh Nguyễn Quang D.

2. Về con chung: Các con chung là Nguyễn Thị L, sinh ngày 11/9/1996; Nguyễn Thị T, sinh ngày 16/11/1997 và Nguyễn Quang T, sinh ngày 04/4/2000, đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

3.Về tài sản chung và công nợ: Chị D và anh D tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

4. Về án phí: Chị Trần Thị D chịu nộp 300.000đ(Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ(Ba trăm ngàn đồng) chị D đã nộp theo Biên lai số 0002665 ngày 24 tháng 11 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Q; như vậy, chị D đã nộp đủ án án phí. Chị D được nhận lại tiền tạm ứng án phí chia tài sản số tiền 20.640.000đ(Hai mươi triệu sáu trăm bốn mươi ngàn đồng) đã nộp theo Biên lai số 0002694 ngày 05/01/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Q.

5.Án xử công khai sơ thẩm, báo cho nguyên đơn và bị đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (01/6/2018).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự, người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Quảng Bình;
- VKS huyện Bố Trạch(2)
- Chi cục THA DS huyện Bố Trạch;
- Chị Trần Thị D;
- Anh Nguyễn Quang D;
- UBND xã V(Đề biết);
- Lưu hồ sơ, vpTòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

**Nguyễn Thanh Vân**

